

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/DSPT

Ngày 12 - 9 - 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý S, sinh năm 1936; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dư Thanh P, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2017) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thái Văn L, sinh năm 1956; cư trú tại: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Thái Tú E (M), sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 8 năm 2015) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy S, là Luật sư của Công ty Luật TNHH K, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Kiều Văn N, sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Kiều Văn N: Chị Thái Tú E (M), sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 10 năm 2015) (có mặt).

2. Chị Thái Tú E (M), sinh năm 1985; cư trú tại: Khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Bà Tăng Thị D (D1), sinh năm 1939; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tăng Thị D (D1): Ông Dư Thanh P, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2017) (có mặt).

4. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở tại: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lý S, sinh năm 1936; là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2015 nguyên đơn ông Lý S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị D (D1) thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha ông là ông Lý A và ông cùng khai phá từ năm 1954, gia đình ông sử dụng đất đến năm 2006, 2007 thì ông chuyển nhượng đất cho ông Thái Văn L hai lần, cụ thể: Lần thứ nhất chiều ngang 04m x chiều dài khoảng 29,5m; lần thứ hai chiều ngang 14m x chiều dài 29,5m; tổng hai lần chuyển nhượng đất là chiều ngang 18m nhưng hiện nay ông Thái Văn L sử dụng phần đất chiều ngang là 26,37m. Phần đất ông chuyển nhượng cho ông Thái Văn L trước đây là đất có nhiều mồ mả trên đất, phần đất còn lại diện tích chiều ngang 8,37m x chiều dài 28,4m ông Thái Văn L đã lấn chiếm sử dụng của ông từ năm 2007 nhưng đến năm 2014 thì gia đình ông mới phát hiện, phần đất này ông chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn L trả cho ông diện tích đất đã lấn chiếm chiều ngang 8,37m x chiều dài 28,4m, phần đất tọa lạc tại khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Ông Dư Thanh P là người đại diện theo ủy quyền của ông Lý S xác định giữa ông Lý S và ông Thái Văn L không tranh chấp về các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Lý S chỉ đòi lại diện tích đất mà ông Thái Văn L đã lấn chiếm của ông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thái Văn L, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kiều Văn N, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thái Tú E trình bày: Từ năm 2006 đến năm 2008, ông Thái Văn L nhận chuyển nhượng đất của ông Lý S ba lần, phần

đất tọa lạc tại khóm 1, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, cụ thể: Lần thứ nhất ngày 28/8/2006 nhận chuyển nhượng chiều ngang 08m x chiều dài 29m; lần thứ hai ngày 07/5/2007 nhận chuyển nhượng chiều ngang 12m x chiều dài 29m; lần thứ ba ngày 07/03/2008 nhận chuyển nhượng chiều ngang 11m x chiều dài 29m; tổng diện tích ba lần nhận chuyển nhượng chiều ngang là 31m x chiều dài 29m. Hiện trạng phần đất trước đây là đất mœ mã, ao ðĩa, không có giá trị, gia ðình ông phải san lấp mặt bằng ðể sử dụng. Diện tích thực tế gia ðình ðang sử dụng chiều ngang 26,37m x chiều dài 28,4m, so với diện tích ðất ông Lý S chuyển nhượng cho ông L còn thiếu do ông Lý S ðã lấy một phần diện tích ðất ðã chuyển nhượng cho ông L ðể cho cháu của ông Lý S là ông Lý K chiều ngang 04m x chiều dài 28,4m. Hiện nay phần ðất này ông Thái Văn L ðã cho chị từ năm 2008, chị sử dụng và xây nhà ở kiên cố ðể ở cho ðến nay, vì vậy không ðồng ý trả ðất theo yêu cầu của ông Lý S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ðại ðiện của Ủy ban nhân ðân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ủy quyền cho ông ðỗ Thanh T trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ðất diện tích 6,8m², thuộc một phần thửa 37, tờ bản ðồ 32, ðược Ủy ban nhân ðân thị xã G cấp cho ông Thái Văn L ngày 04/5/2012 là ðúng trình tự, thủ tục theo quy ðịnh của pháp luật, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy ðịnh của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại bản án số 21/2016/DS-ST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân ðân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu ðã quyết ðịnh:

Áp dụng khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng ðân sự; Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật ðân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật ðất ðai và Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy ðịnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý S ðối với ông Thái Văn L về việc ðòi lại diện tích ðất 238,3m², theo biên bản ðo ðạc thực tế ngày 22/12/2015 có vị trí, kích thước như sau:

Cạnh hướng ðông giáp ðất của ông Thái Văn L, có số ðo là 28,84m.

Cạnh hướng Tây giáp ðất của ông Thái Văn L, có số ðo là 28,23m.

Cạnh hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số ðo là 8,37m.

Cạnh hướng Bắc giáp ðất của ông ðoàn Văn N, có số ðo là 8,37m.

Phần ðất theo bản ðồ chính quy 378 cùng mục kê thì thuộc một phần thửa 45, tờ bản ðồ số 32, diện tích 202,4m², không có tên chủ sử dụng kê khai ðăng ký, thuộc một phần thửa 37, tờ bản ðồ số 32, diện tích 6,8m² ðã ðược cấp cho ông Thái Văn L, thuộc một phần thửa 61, tờ bản ðồ số 32, diện tích 29,1m, không có tên chủ sử dụng kê khai ðăng ký.

2. Chi phí ðo ðạc là 1.000.000 ðồng, ông Lý S chịu toàn bộ. Ông Lý S ðã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Lý S chịu 200.000 đồng, ông Lý S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.600.000 đồng theo biên lai thu số 005631 ngày 21/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu sẽ được đối trừ, ông Lý S được nhận lại 3.400.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2016, ông Lý S kháng cáo yêu cầu ông Thái Văn L trả diện tích đất tranh chấp theo giá thị trường.

Tại phiên Tòa phúc thẩm ông Lý S vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Thái Văn L trình bày: Năm 2014 ông Thái Văn L kê khai, đăng ký phần đất còn lại nhưng do có tranh chấp nên chưa thực hiện được. Ông Thái Văn L xác định đã nhận chuyển nhượng luôn phần đất tranh chấp và có cung cấp cho Tòa án 03 tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất các ngày 28/8/2006, 07/5/2007 và ngày 07/3/2008, những người chứng kiến ký tên trong 03 tờ thỏa thuận này đều xác định đúng nội dung và đúng chữ ký của ông Lý S, hơn nữa gia đình ông Thái Văn L sử dụng đất ổn định từ năm 2008 đến nay, xây nhà ở kiên cố mà không có sự ngăn cản của gia đình ông Lý S và một phần diện tích đất tranh chấp ông Thái Văn L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Lý S khởi kiện đòi ông Thái Văn L trả đất nhưng ông Lý S không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lý S xác định ông không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông Thái Văn L, còn ông Thái Văn L thì xác định ông Lý S đã chuyển nhượng luôn phần đất tranh chấp cho ông. Ông Lý S khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn L trả đất nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Phía ông Thái Văn L cung cấp được 03 tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất các ngày 28/8/2006, 07/5/2007 và ngày 07/3/2008 và lời khai của những người chứng kiến ký tên trong 03 tờ thỏa thuận này đều xác định đúng nội dung và chữ ký đúng là của ông Lý S. Thực tế gia đình ông Thái Văn L quản lý, sử dụng xây nhà kiên cố và xây hàng rào xung quanh phần đất nhận chuyển nhượng, nhưng không có sự ngăn cản của gia đình ông Lý S và một phần diện tích đất tranh chấp ông Thái Văn L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo biên bản đo đạc thực tế ngày 22/12/2015 thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 238,3m², có vị trí và kích thước như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất của ông Thái Văn L, có số đo là 28,84m.

Cạnh hướng Tây giáp đất của ông Thái Văn L, có số đo là 28,23m.

Cạnh hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo là 8,37m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của ông Đoàn Văn N, có số đo là 8,37m.

Phần đất theo bản đồ chính quy 378 cùng mục kê thì thuộc một phần thửa 45, tờ bản đồ số 32, diện tích 202,4m², không có tên chủ sử dụng kê khai đăng ký; thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 32, diện tích 6,8m² đã được cấp cho ông Thái Văn L; thuộc một phần thửa 61, tờ bản đồ số 32, diện tích 29,1m, không có tên chủ sử dụng kê khai đăng ký.

[2] Ông Lý S khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn L trả phần đất đã lấn chiếm qua đo đạc thực tế diện tích 238,3m². Đây là tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, ông Lý S không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông với ông Thái Văn L, vì vậy Tòa án không xem xét, giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Lý S với ông Thái Văn L.

[3] Các đương sự thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lý S. Ông Lý S xác định ông chuyển nhượng đất cho ông Thái Văn L hai lần, tổng diện tích chiều ngang 18m x chiều dài khoảng 29m, khi chuyển nhượng có lập văn bản và có xác nhận của chính quyền địa phương, diện tích đất còn lại chiều ngang 8,37m x chiều dài 28,4m ông để trống không có chuyển nhượng cho ông Thái Văn L, đến năm 2014 ông phát hiện gia đình ông Thái Văn L lấn chiếm phần đất này của ông để sử dụng và phát sinh tranh chấp. Ông Thái Văn L thì xác định ông nhận chuyển nhượng đất của ông Lý S ba lần, tổng diện tích chiều ngang là 31m x chiều dài 29m, việc chuyển nhượng đất có lập văn bản và có cung cấp 03 tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông với ông Lý S các ngày 28/8/2006, 07/5/2007 và 07/3/2008. Tuy nhiên, ông Lý S không thừa nhận chữ ký của ông trong 03 tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất, nhưng ông Lý S không yêu cầu giám định chữ ký của ông tại cấp sơ thẩm.

[4] Tại cấp phúc thẩm, ông Lý S yêu cầu giám định chữ ký của ông trong ba tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất do ông Thái Văn L cung cấp. Tại kết luận giám định số 341/GĐ-2017 ngày 11/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lý S trên các tài liệu cần giám định có phải do cùng một người ký ra không. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định chữ ký trong ba tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất có phải do ông Lý S ký hay không.

[5] Lời khai của ông Trần Thái N ngày 28/11/2016 (bút lục 115) xác định thời điểm năm 2006 ông là Công an viên phụ trách ấp 1, xã P, ông là người trực tiếp viết và ký tên chứng kiến trong hai tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất các ngày 28/8/2006, 07/5/2007; nội dung của hai tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất này giữa ông Lý S với ông Thái Văn L là đúng.

[6] Lời khai của ông Trần Văn S là Trưởng ấp 1, xã P (nay là khóm 1, phường L) ngày 28/11/2016 (bút lục 117) xác định ông là người xác nhận trong tờ thỏa thuận sang đất nền mã ngày 07/5/2007, nội dung của tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất ngày 07/5/2007 giữa ông Lý S với ông Thái Văn L là đúng. Tại tờ thỏa thuận sang nền đất mã ngày 07/5/2007 có dấu vân tay của ông Lý K và lời khai của ông Lý K ngày 29/6/2015 (bút lục 03) xác định ông là cháu gọi ông Lý S bằng cậu, ông Lý S đã bán hết toàn bộ diện tích đất cho ông Thái Văn L, ông là người làm môi và chứng kiến.

[7] Lời khai của ông Thạch Đà R ngày 24/11/2016 (bút lục 114, 118) xác định ông là người trực tiếp viết và ký tên người làm chứng trong tờ thỏa thuận sang nền đất mã lập ngày 07/3/2008 nhưng ký tên ngày 10/3/2008, ông Lý S và ông Thái Văn L ký tên trước mặt ông, nội dung của tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất này là đúng.

[8] Hội đồng xét xử, xét thấy: Lời khai của những người làm chứng gồm ông Trần Thái N, ông Trần Văn S, ông Thạch Đà R, ông Lý K thống nhất nhau, phù hợp 03 tờ thỏa thuận do ông Thái Văn L cung cấp. Mặt khác, phần đất ông Thái Văn L nhận chuyển nhượng của ông Lý S là đất mô mã, sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông Thái Văn L đã trả cho từng chủ mộ hốt cốt về gia đình là 2.000.000 đồng/mộ, sau đó ông Thái Văn L san lấp mặt bằng, ông Lý S biết nhưng không phản đối. Thực tế gia đình ông Thái Văn L quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp ổn định từ năm 2008 đến nay, đã xây nhà ở kiên cố và xây hàng rào xung quanh phần đất nhận chuyển nhượng mà không có sự ngăn cản của phía gia đình ông Lý S, một phần diện tích đất tranh chấp ông Thái Văn L đã kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[10] Tại Công văn số 26/CV-TNMT ngày 04/4/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xác định theo bản đồ chính quy 378 cùng mục kê, trong đó: Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 32, diện tích 202,4m² không có tên chủ sử dụng kê khai, đăng ký; thuộc một phần thửa số 37, tờ bản đồ số 32, diện tích 6,8m², đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Văn L; thuộc một phần thửa số 61, tờ bản đồ số 32, diện tích 29,1m², không có tên chủ sử dụng đất. Như vậy, ông Lý S là người khởi kiện yêu cầu đòi đất nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý S là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý S, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Chi phí đo đạc, giám định và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Lý S phải chịu theo quy định của pháp luật.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm ông Lý S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý S đối với ông Thái Văn L về việc đòi lại diện tích đất 238,3m², theo biên bản đo đạc thực tế ngày 22/12/2015 có vị trí, kích thước như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất của ông Thái Văn L, có số đo là 28,84m.

Cạnh hướng Tây giáp đất của ông Thái Văn L, có số đo là 28,23m.

Cạnh hướng Nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo là 8,37m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của ông Đoàn Văn N, có số đo là 8,37m.

Phần đất theo bản đồ chính quy 378 cùng mục kê thì thuộc một phần thửa 45, tờ bản đồ số 32, diện tích 202,4m², không có tên chủ sử dụng kê khai đăng ký; thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 32, diện tích 6,8m² đã được cấp cho ông Thái Văn L; thuộc một phần thửa 61, tờ bản đồ số 32, diện tích 29,1m, không có tên chủ sử dụng kê khai đăng ký.

2. Chi phí đo đạc là 1.000.000 đồng, ông Lý S phải nộp toàn bộ. Ông Lý S đã nộp xong.

3. Chi phí giám định là 300.000 đồng, ông Lý S phải nộp toàn bộ. Ông Lý S đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Lý S phải nộp 200.000 đồng, ông Lý S đã nộp tạm ứng án phí 3.600.000 đồng theo biên lai thu số 005631 ngày 21/8/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được đối

trừ, ông Lý S được nhận lại 3.400.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý S phải nộp 300.000 đồng, ông Lý S đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001288 ngày 21/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, ông Lý S còn phải tiếp tục nộp 100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thị xã G (01 bản);
- CCTHADS thị xã G (01 bản);
- Đương sự (06 bản);
- Lưu TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TRƯỞNG THANH DŨNG